

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương, như sau:

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng thu phí sử dụng đường bộ đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương thực hiện theo quy định tại mục III phần I Thông tư số 90/2004/TT-BTC ngày 07/9/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 90/2004/TT-BTC); trừ các loại phương tiện không được phép lưu hành trên đường cao tốc theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quy trình thu phí

a) Tại làn vào: Người điều khiển phương tiện dừng lại tại cabin làn vào. Nhân viên thu phí phát cho người điều khiển phương tiện Vé vào đường cao tốc (có thể là: thẻ thông minh, vé từ, vé mã vạch,...). Trên vé có ghi các thông tin về địa điểm, tên, mã trạm ngõ vào đường cao tốc, phân loại xe.

b) Tại làn ra: Khi phương tiện tiến tới trạm ra, Người điều khiển phương tiện đưa Vé vào đường cao tốc cho nhân viên thu phí, đồng thời, nhận chứng từ thu phí và thanh toán tiền phí.

Điều 3. Biểu mức thu

Ban hành kèm theo Thông tư này Biểu mức thu phí sử dụng đường bộ đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương.

Điều 4. Chứng từ thu phí

Chứng từ thu phí đường bộ sử dụng tại các trạm thu phí đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương thực hiện theo quy định tại mục I phần III Thông tư số 90/2004/TT-BTC.

Điều 5. Quản lý và sử dụng tiền phí thu được

1. Phí sử dụng đường bộ đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước.

a) Cơ quan thu phí được trích để lại 7% số tiền phí sử dụng đường bộ thực thu được để trang trải cho hoạt động thu phí.

a.1) Chi hoạt động thường xuyên tổ chức thu phí:

- Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp);

- Chi phí quản lý: Công tác phí, hội nghị, thông tin liên lạc, dịch vụ công cộng (tiền điện chiếu sáng trạm thu phí, nước văn phòng trạm thu phí), vật tư văn phòng, chi hội họp, ...

- Chi tiền ăn giữa ca cho người lao động với mức chi tối đa cho mỗi người không vượt quá mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định;

- Chi bảo hộ lao động hoặc đồng phục theo chế độ quy định (nếu có);

- Chi sửa chữa thường xuyên nhà cửa, thiết bị văn phòng, trạm thu phí;

- Chi thuê bảo vệ trạm thu phí (nếu có);

- Chi tiền vé, ấn chỉ phục vụ thu phí;

- Chi mua phụ tùng thay thế, thiết bị có giá trị nhỏ và công cụ lao động khác trực tiếp phục vụ thu phí;

- Chi phí gián tiếp của doanh nghiệp phục vụ công tác thu phí (đối với doanh nghiệp nhà nước được giao nhiệm vụ thu phí);

- Chi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thu phí và chi thông tin tuyên truyền.

- Chi khác (nếu có).

a.2) Chi trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp thu phí đường bộ. Mức trích lập 2 (hai) quỹ khen thưởng và phúc lợi bình quân một năm, một người tối đa không quá 3 (ba) tháng lương thực hiện nếu số thu cao hơn năm trước hoặc bằng 2 (hai) tháng lương thực hiện nếu số thu thấp hơn hoặc bằng số thu năm trước.

b) Tổng số tiền phí thực thu được, sau khi trừ số tiền được trích theo tỷ lệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, số còn lại (93%) cơ quan thu phí phải nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản, mục của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí sử dụng đường bộ không đề cập tại

Thông tư này được thực hiện theo Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07/02/2012. Thời gian bắt đầu thu phí kể từ khi Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định cho phép thu phí.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí, đơn vị được Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ tổ chức thu phí sử dụng đường bộ đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung. / *kur*

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP Ban CE TW về phòng, chống tham nhũng;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Website chính phủ;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tiền Giang và tỉnh Long An;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính; Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Thị Mai



BIỂU MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ
ĐƯỜNG CAO TỐC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – TRUNG LƯƠNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BTC
ngày 07/02/2012 của Bộ Tài chính)

1. Biểu mức phí của các phương tiện như sau:

Số thứ tự	Loại phương tiện	Mệnh giá (đồng/km)
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe có trọng tải dưới 2 tấn và các loại xe buýt vận tải công cộng	1.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi, xe có trọng tải từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	1.500
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên, xe tải có trọng tải từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	2.200
4	Xe có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20fit	4.000
5	Xe tải có trọng tải từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40fit	8.000

2. Quảng đường giữa các trạm thu phí như sau:

Vào \ Ra	Chợ Đệm	Bến Lức	Tân An	Thân Cửu Nghĩa
Chợ Đệm		10km	25km	40km
Bến Lức	10km		15km	30km
Tân An	25km	15km		15km
Thân Cửu Nghĩa	40km	30km	15km	

3. Biểu mức phí cụ thể cho từng loại phương tiện như sau:

3.1 Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có trọng tải dưới 2 tấn và các loại xe buýt vận tải công cộng

Đơn vị tính: đồng

Vào \ Ra	Chợ Đệm	Bến Lức	Tân An	Thân Cửu nghĩa
Chợ Đệm		10.000	25.000	40.000
Bến Lức	10.000		15.000	30.000
Tân An	25.000	15.000		15.000
Thân Cửu Nghĩa	40.000	30.000	15.000	

3.2. Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi, xe có trọng tải từ 2 tấn đến dưới 4 tấn

Đơn vị tính: đồng

Vào \ Ra	Chợ Đệm	Bến Lức	Tân An	Thân Cửu Nghĩa
Chợ Đệm		15.000	37.000	60.000
Bến Lức	15.000		22.000	45.000
Tân An	37.000	22.000		22.000
Thân Cửu Nghĩa	60.000	45.000	22.000	

3.3. Xe từ 31 ghế ngồi trở lên, xe tải có trọng tải từ 4 tấn đến dưới 10 tấn

Đơn vị tính: đồng

Ra Vào	Chợ Đệm	Bến Lức	Tân An	Thân Cửu Nghĩa
Chợ Đệm		22.000	55.000	88.000
Bến Lức	22.000		33.000	66.000
Tân An	55.000	33.000		33.000
Thân Cửu Nghĩa	88.000	66.000	33.000	

3.4. Xe có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20fit

Đơn vị tính: đồng

Ra Vào	Chợ Đệm	Bến Lức	Tân An	Thân Cửu Nghĩa
Chợ Đệm		40.000	100.000	160.000
Bến Lức	40.000		60.000	120.000
Tân An	100.000	60.000		60.000
Thân Cửu Nghĩa	160.000	120.000	60.000	

3.5. Xe tải có trọng tải từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40fit

Đơn vị tính: đồng

Ra Vào	Chợ Đệm	Bến Lức	Tân An	Thân Cửu Nghĩa
Chợ Đệm		80.000	200.000	320.000
Bến Lức	80.000		120.000	240.000
Tân An	200.000	120.000		120.000
Thân Cửu Nghĩa	320.000	240.000	120.000	

Ghi chú:

- Tải trọng của từng loại phương tiện áp dụng mệnh giá trên là tải trọng theo thiết kế (trọng tải hàng hoá), căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký xe do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Đối với việc áp dụng mức thu phí đối với xe chở hàng bằng Container (bao gồm cả đầu kéo móc chuyên dùng): Áp dụng mức thu theo tải trọng thiết kế của xe, không phân biệt có chở hàng hay không chở hàng, kể cả trường hợp chở hàng bằng Container có tải trọng ít hơn tải trọng thiết kế vẫn áp dụng mức thu theo tải trọng thiết kế./.